



Phụ lục 2

ĐỐI TƯỢNG QUY HOẠCH

(Kèm theo Quy định số 02-QĐ/TU, ngày 22/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

A- ĐỐI TƯỢNG QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH THUỘC ĐIỆN BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ QUẢN LÝ

I- QUY HOẠCH CHỨC DANH BÍ THƯ TỈNH ỦY

1. Đối tượng 1: Phó Bí thư Tỉnh ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh. Các đồng chí Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng chưa là đối tượng 1.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

II- QUY HOẠCH CHỨC DANH PHÓ BÍ THƯ TỈNH ỦY, CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH, CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, TRƯỞNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TỈNH

1. Đối tượng 1: Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

B- ĐỐI TƯỢNG QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH CẤP ỦY, BAN THƯỜNG VỤ CẤP ỦY, ỦY BAN KIỂM TRA VÀ CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ CỦA TỈNH

I- QUY HOẠCH CẤP TỈNH

1. Quy hoạch Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

1.1. Đối tượng 1: Cấp trưởng, cấp phó các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị ở tỉnh và tương đương (*được quy hoạch chức danh cấp trưởng*); bí thư, phó bí thư các đảng ủy trực thuộc; bí thư đảng ủy cấp xã.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (*60 tháng*) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

1.2. Đối tượng 2: Phó bí thư đảng ủy cấp xã và tương đương; trưởng phòng của ban, sở, ngành tỉnh và tương đương; cấp phó các ban, cơ quan tham mưu, giúp việc của đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

2. Quy hoạch Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Trưởng Đoàn đại biểu quốc hội tỉnh

2.1. Đối tượng 1: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (*60 tháng*) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

2.2. Đối tượng 2: Cấp trưởng, cấp phó các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị ở tỉnh và tương đương (*được quy hoạch chức danh cấp trưởng*); bí thư, phó bí thư các đảng ủy trực thuộc; bí thư đảng ủy cấp xã.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

3. Quy hoạch cấp trưởng các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội và tương đương

3.1. Đối tượng 1: Cấp phó các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội và tương đương; Ủy viên Ủy ban Kiểm

tra Tỉnh ủy; phó bí thư đảng ủy, chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (*60 tháng*) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

3.2. Đối tượng 2: Cấp trưởng phòng các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và tương đương; ủy viên ban thường vụ đảng ủy, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

4. Quy hoạch cấp phó các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chuyên trách và tương đương

4.1. Đối tượng 1: Cấp trưởng phòng các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và tương đương; ủy viên ban thường vụ đảng ủy, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (*60 tháng*) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

4.2. Đối tượng 2: Cấp phó trưởng phòng các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và tương đương; ủy viên ban chấp hành chuyên trách (*Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh*), ủy viên ban chấp hành đảng bộ các xã, phường.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

5. Quy hoạch ủy viên ban thường vụ Đảng ủy các cơ quan đảng tỉnh, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh (chuyên trách)

5.1. Đối tượng 1: Ủy viên ban chấp hành chuyên trách Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; ủy viên ban chấp hành đảng bộ cấp xã.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (*60 tháng*) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

5.2. Đối tượng 2: Phó trưởng phòng các sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương

đương; cấp trưởng, cấp phó các phòng, ban, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị ở cấp xã và tương đương, ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy cấp xã.

Các đồng chí thuộc đối tượng này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

6. Quy hoạch phó bí thư chuyên trách Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh (không là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)

6.1. Đối tượng 1: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh; cấp trưởng phòng các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và tương đương.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

6.2. Đối tượng 2: Cấp phó các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; cấp phó trưởng phòng các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và tương đương.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

II- QUY HOẠCH CẤP XÃ

1. Quy hoạch bí thư đảng ủy cấp xã

1.1. Đối tượng 1: Phó bí thư đảng ủy; chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã và tương đương.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

1.2. Đối tượng 2: Ủy viên ban thường vụ đảng ủy; phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và tương đương; cấp trưởng phòng các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và tương đương.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

2. Quy hoạch phó bí thư đảng ủy, chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường

2.1. Đối tượng 1: Ủy viên ban thường vụ đảng ủy; phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và tương đương; cấp trưởng phòng các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và tương đương.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (*60 tháng*) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

2.2. Đối tượng 2: Các đồng chí ủy viên ban chấp hành đảng bộ cấp xã và tương đương; cấp phó trưởng phòng các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và tương đương.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.
